

1. NHẬN DIỆN

Tên Sản Phẩm	Febreze Professional Sanitizing Fabric Refresher
(Các) Mã Sản Phẩm	8-30
Định danh sản phẩm	97337034_PROF_NG
Product Type:	Thành phẩm - Chuyên nghiệp.
Công Dụng Đề Nghị	Fabric Refresher.
Các giới hạn sử dụng	Chỉ sử dụng theo hướng dẫn trên nhãn.
Chi tiết về nhà cung cấp phiếu an toàn dữ liệu	Procter & Gamble Professional 1 P&G Plaza Cincinnati, Ohio 45202 Procter & Gamble Inc. P.O. Box 355, Station A Toronto, ON M5W 1C5 1-800-332-7787
Địa Chỉ Email	pgsds.im@pg.com
Số Điện Thoại Khẩn Cấp	Transportation (24 HR) CHEMTREC - 1-800-424-9300 (U.S./ Canada) or 1-703-527-3887 Mexico toll free in country: 800-681-9531

2. NHẬN DIỆN HIỂM HỌA

Sản phẩm này được phân loại theo 29CFR 1910.1200 (d) và Quy định về Sản phẩm Nguy hại của Canada như sau:.

Không được phân loại. Vật liệu này không được xem là nguy hiểm theo Tiêu Chuẩn Về Thông Báo Hiểm Họa (Hazard Communication Standard) của OSHA (29 CFR 1910.1200).

Tiêu ngữ hiểm họa	Không có
Các hình đồ hiểm họa	Không có
Tiêu Ngữ Đề Phòng	Không có
Tiêu Ngữ Đề Phòng - Ứng Phó	Không có
Tiêu Ngữ Đề Phòng - Bảo Quản	Không có
Tiêu Ngữ Đề Phòng - Thái Bỏ	Thải bỏ vật liệu bên trong/dụng cụ đựng theo các quy định của địa phương

3. THÀNH PHẦN CẤU TẠO/THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN

Thành phần được liệt kê theo 29CFR 1910.1200 Phụ lục D và Quy định về Sản phẩm Nguy hại của Canada
Thành phần nguy hiểm Không có.

Thông tin thêm Actual concentrations withheld as trade secret in accordance with Canadian HPR

4. CÁC BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Các biện pháp sơ cứu cho các tuyến tiếp xúc khác nhau

Tiếp xúc với mắt	Rửa bằng thật nhiều nước. Tìm bác sĩ chăm sóc ngay nếu tiếp tục bị kích ứng.
Tiếp xúc với da	Rửa bằng thật nhiều nước. Tìm bác sĩ chăm sóc nếu bị kích ứng mà không khỏi.
Ăn phải	Uống 1 hoặc 2 ly nước. KHÔNG gây nôn. Tìm bác sĩ chăm sóc ngay nếu triệu chứng xuất hiện.
Hít phải	Di chuyển ra nơi có không khí trong lành. Nếu vẫn còn triệu chứng, gọi bác sĩ.

Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính Không có trong điều kiện sử dụng bình thường.

F. Dấu hiệu cần chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt, nếu cần

Bác Sĩ Cần Lưu Ý Điều trị triệu chứng.

5. CÁC BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Chất chữa cháy phù hợp	Hóa chất khô, CO2, bọt chịu alcol hoặc nước xịt. Hóa chất khô. Bọt chịu alcol.
Chất Chữa Cháy Không Phù Hợp	Không có.
Hiểm Họa Đặc Biệt	Chưa được biết.
Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy	Như trong mọi trường hợp cháy, phải sử dụng thiết bị thở độc lập cấp áp theo yêu cầu, có MSHA/NIOSH (phê chuẩn hoặc tương đương) và đầy đủ phụ tùng bảo hộ.
Hiểm họa đặc biệt phát sinh từ hóa chất	Không có.

6. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ RÒ RỈ BẤT NGỜ

Các cảnh báo cá nhân, thiết bị bảo vệ và quy trình khẩn cấp

Các biện pháp để phòng cá nhân	Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu. Không để dính vào mắt, da, hoặc quần áo.
Hướng dẫn cho nhân viên ứng cứu khẩn cấp	Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu.
Các cảnh báo về môi trường	Tránh xa các kênh rạch Không xả sản phẩm vào các vùng nước tự nhiên mà không xử lý trước hoặc pha loãng thỏa đáng

Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Phương pháp ngăn chặn Dùng đất, cát hoặc các vật liệu không cháy khác để thấm hút rồi chuyển vào thùng chứa để thải bỏ sau đó. Ngăn không để cho sản phẩm xâm nhập vào cống rãnh. Ngăn ngừa tiếp tục rò rỉ hoặc tràn đổ nếu thực hiện được an toàn.

Các phương pháp làm sạch

Ngăn chặn và thu gom lượng tràn đổ bằng các vật liệu thấm hút không cháy, (ví dụ như cát, đất, bột diatomit, chất khoáng bón cây) rồi cho vào dụng cụ đựng để thải bỏ theo các quy định của địa phương / quốc gia (xem mục 13).

7. THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

Các cảnh báo cho việc an toàn sử dụng

Hướng dẫn thao tác an toàn

Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu. Đóng kín dụng cụ đựng khi không sử dụng. Không bao giờ cho chất đã tràn đổ vào lại thùng chứa ban đầu để tái sử dụng. Giữ xa tầm tay của trẻ em.

Các điều kiện an toàn lưu giữ, bao gồm cả những điều không nên

Các Điều Kiện Bảo Quản

Giữ dụng cụ đựng thật kín ở nơi khô, mát, thông khí tốt.

Sản phẩm không tương thích

Chưa được biết.

8. KIỂM SOÁT TIẾP XÚC/BẢO VỆ CÁ NHÂN

Thông số quản lý

Hướng Dẫn Về Tiếp Xúc

Chưa có các giới hạn tiếp xúc nào đáng chú ý cho (các) thành phần.

Quản lý phơi nhiễm

Biện Pháp Kỹ Thuật

Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:
Bảo đảm thông khí đầy đủ

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Nếu hợp lý có thể thực hiện được điều này bằng cách sử dụng thông gió hút cục bộ và hệ thống hút gió tổng tốt

Trang Bị Bảo Hộ Cá Nhân

Bảo Vệ Mắt

Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:
Không cần trang bị bảo hộ đặc biệt nào

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Sử dụng bảo hộ mắt thích hợp

Bảo Vệ Tay

Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:
Không cần trang bị bảo hộ đặc biệt nào

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Găng tay bảo hộ

Bảo Vệ Da và Cơ Thể

Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:
Không cần trang bị bảo hộ đặc biệt nào

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Sử dụng trang phục bảo hộ thích hợp

Bảo Vệ Đường Hô Hấp

Tại điểm Phân phối, Nơi làm việc và Hộ gia đình:
Không cần trang bị bảo hộ đặc biệt nào

Nhà máy sản xuất sản phẩm (CHỈ cần tại Nhà máy sản xuất sản phẩm):
Trong trường hợp thiếu thông khí, phải sử dụng phương tiện bảo vệ đường hô hấp

9. CÁC TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Trạng thái vật lý	Chất lỏng	
Ngoại quan	dung dịch nước không màu	
Mùi	Thơm	
Ngưỡng phát hiện mùi	Không có thông tin	
Tính chất	Giá trị	Nhận Xét
pH	6.5 - 7.5	
Điểm chảy / điểm đông	Không có thông tin	
Điểm sôi / vùng nhiệt độ sôi	Không có thông tin	
Điểm chớp cháy	Không có thông tin	
Tốc độ bay hơi	Không có thông tin	
Khả năng cháy (rắn, khí)	Không có thông tin	
Các Giới Hạn Khả Năng Cháy trong Không Khí		
Giới hạn cháy hoặc nổ trên	Không có thông tin	
Giới hạn cháy hoặc nổ dưới	Không có thông tin	
Áp suất hơi	Không có thông tin	
Tỷ trọng hơi	Không có thông tin	
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin	
Độ tan trong nước	Không có thông tin	
Hệ số phân tách	Không có thông tin	
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin	
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin	
Độ nhớt	Không có thông tin	
Hàm lượng Chất Hữu Cơ Bay Hơi (%)	Sản phẩm tuân thủ các quy định của tiểu bang và liên bang Hoa Kỳ về nội dung VOC trong các sản phẩm tiêu dùng.	

10. ĐỘ BỀN VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Khả năng hoạt động của hóa chất	Không có trong điều kiện sử dụng bình thường.
Độ bền	Bền trong các điều kiện thông thường.
Polyme hóa gây nguy hiểm	Phản ứng polyme hóa nguy hiểm không xảy ra.
Các Phản Ứng Nguy Hiểm	Không có trong điều kiện xử lý bình thường.
Các điều kiện cần Tránh	Không có trong điều kiện xử lý bình thường.
Các vật liệu không tương thích	Không có gì đặc biệt.
Các sản phẩm phân hủy nguy hại	Không có trong điều kiện sử dụng bình thường.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông Tin Về Sản Phẩm

Thông tin về các đường tiếp xúc có thể gặp

Hít phải	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Tiếp xúc với da	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Ăn phải	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Tiếp xúc với mắt	Chưa có tác dụng nào được biết đến.

Các tác dụng chậm xuất hiện và xuất hiện tức thời cũng như tác dụng lâu dài do tiếp xúc ngắn hạn và lâu dài

Độc tính cấp tính	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Ăn mòn/kích ứng da	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Tổn thương nặng/kích ứng mạnh cho mắt	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Gây mẫn cảm da	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Gây mẫn cảm đường hô hấp	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Khả năng gây đột biến tế bào mầm	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Các Tác Dụng Trên Thần Kinh	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Độc tính sinh sản	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Độc tính tăng trưởng	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Khả năng gây dị tật cho thai nhi	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
STOT - tiếp xúc một lần	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
STOT - tiếp xúc nhiều lần	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Các Tác Dụng Trên Cơ Quan Đích	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Hiểm họa hít phải qua miệng	Chưa có tác dụng nào được biết đến.
Khả năng gây ung thư	Chưa có tác dụng nào được biết đến.

Thông Tin Về Thành Phần

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái

Sản phẩm không được cho là gây nguy hại cho môi trường.

Độ bền vững và độ phân hủy	Không có thông tin.
Tiềm năng tích tụ sinh học	.
Khả năng di chuyển	Không có thông tin.
Các tác động có hại khác	Không có thông tin.

13: XEM XÉT VỀ VIỆC THẢI BỎ

Các biện pháp xử lý chất thải

Chất Thải của Phần Dư/Sản Phẩm Chưa Sử Dụng	Việc thải bỏ phải phù hợp với luật pháp và quy định hiện hành của địa phương, khu vực, và quốc gia.
Bao bì đã bị nhiễm	Việc thải bỏ phải phù hợp với luật pháp và quy định hiện hành của địa phương, khu vực, và quốc gia.
Mã chất thải nguy hại California (thiết lập phi hộ gia đình)	331

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

<u>DOT</u>	Không được quy định
<u>IMDG</u>	Không được quy định
<u>IATA</u>	Không được quy định

15. THÔNG TIN VỀ QUY ĐỊNH

CÁC QUY ĐỊNH CỦA LIÊN BANG HOA KỲ

CERCLA

Vật liệu này, như khi được cung cấp, chứa một hoặc nhiều chất được quy định là chất gây nguy hiểm theo Đạo Luật Tổng Quát về Đối Phó Bồi Thường và Trách Nhiệm Môi Trường - Comprehensive Environmental Response Compensation and Liability Act (CERCLA) (40 CFR 302).

Tên Hóa Chất	Số CAS	Khối Lượng Chất Nguy Hiểm Cần Báo Cáo	Khối Lượng Chất Cực Kỳ Nguy Hiểm Cần Báo Cáo	CERCLA/SARA 302 TPQ
2-Butenedioic acid (2Z)	110-16-7	5000 lb	-	
Sodium hydroxide (Na(OH))	1310-73-2	1000 lb	-	

Đạo luật về Không khí Sạch, Phần 112 Chất gây ô nhiễm Không khí Nguy hại (HAP) (xem 40 CFR 61)

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được quy định là chất gây ô nhiễm không khí nguy hại (HAPS) theo Mục 112 của Sửa đổi Đạo luật về Không khí Sạch năm 1990.

Đạo Luật Bảo Vệ Nước

Sản phẩm này chứa các chất sau đây được quy định là các chất gây ô nhiễm theo đạo Luật Bảo Vệ Nước (Clean Water Act - 40 CFR 122.21 và CFR 122.42).

Tên Hóa Chất	Số CAS	CWA - Số Lượng Cần Báo Cáo	CWA - Chất Ô Nhiễm Độc	CWA - Chất Ô Nhiễm Ưu Tiên	CWA - Các Chất Nguy Hiểm
2-Butenedioic acid (2Z)	110-16-7	5000 lb	-	-	X
Sodium hydroxide (Na(OH))	1310-73-2	1000 lb	-	-	X

Đề Nghị số 65 của California

Sản phẩm này không phải ghi nhãn cảnh báo theo Dự luật 65 của California.

Quy định của Nhà nước Hoa Kỳ (RTK)

Tên Hóa Chất	Số CAS	Pennsylvania
Ethanol, 2,2'-oxybis-	111-46-6	X
Ethanol	64-17-5	X
Ethanol	64-17-5	X
2-Butenedioic acid (2Z)	110-16-7	X
Sodium hydroxide (Na(OH))	1310-73-2	X

Các Danh Mục Quốc Tế

HOA KỲ

Tất cả các thành phần được thêm vào có chủ ý của (các) sản phẩm này được liệt kê trên TSCA Inventory của Hoa Kỳ

Canada

Sản phẩm này tuân thủ Đạo luật bảo vệ môi trường Canada để nhập khẩu bởi P&G

Chú giải

TSCA - Danh Mục của Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc Hoa Kỳ Mục 8(b)

CEPA - Đạo Luật Bảo Vệ Môi Trường của Canada

FIFRA

Hóa chất này là một sản phẩm thuốc trừ sâu được đăng ký bởi Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ và phải tuân theo một số yêu cầu ghi nhãn theo luật thuốc trừ sâu liên bang. Các yêu cầu này khác với các tiêu chí phân loại và thông tin nguy hại được yêu cầu trong Phiếu An toàn Hóa chất (SDS), và trong việc ghi nhãn ở nơi làm việc cho các hóa chất không phải thuốc trừ sâu. Thông tin nguy hại phải có trên nhãn thuốc trừ sâu được ghi lại dưới đây. Nhãn thuốc trừ sâu cũng bao gồm các thông tin quan trọng khác, như hướng dẫn sử dụng.

Số đăng ký EPA: 3573-100
CÂN THẶN
Gây kích ứng mắt trung bình

16. THÔNG TIN KHÁC

Ngày Ban Hành: 28-Thg6-2017

Ngày sửa đổi 02-Thg3-2020

Tuyên bố miễn trách.

Thông tin cung cấp trong Bản Thông tin an toàn này là chính xác theo tất cả sự hiểu biết, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi vào ngày ban hành thông tin. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế để hướng dẫn cho việc thao tác, sử dụng, xử lý, bảo quản, vận chuyển, thải bỏ và phòng thích an toàn và không nên được xem là một sự bảo đảm hay đặc điểm của chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan đến riêng vật liệu đề cập và sẽ không hợp lệ khi vật liệu đó được sử dụng kết hợp với bất kỳ vật liệu nào khác hoặc bất kỳ quá trình chế biến nào, nếu không được nêu rõ trong tài liệu này

Kết thúc phiếu an toàn hóa chất